TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2024
"V/v ly hôn giữa chị Thơm-anh Mạnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Phạm Văn Diễn.

2. Bà Phạm Thị Loan.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2024/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***: Chị Hà Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988.
Sinh quán và đăng ký HKTT: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
Hiện đang chấp hành án tại đội 40, phân trại 2, trại giam N, tỉnh Ninh Bình.
(*Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh M)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q vào ngày 21/9/2011, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã Q và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, anh M sử dụng ma túy đã dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Cuối năm 2020 anh M bị bắt và bị xử phạt 21 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại trại giam N1, tỉnh Ninh Bình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh M.

-Về con chung: Chị T khai chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 29/02/2012 và Nguyễn Văn Khánh Đ, sinh ngày 13/12/2013 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn M: Tại bản biên bản ghi lời khai của anh M do Tòa án tiến hành thu thập tại trại giam N1, tỉnh Ninh Bình; về quan hệ hôn nhân anh M xác nhận bản thân anh có nghiện ma túy, tháng 12/2020 anh bị bắt giam và bị xét xử, xử phạt 21 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị T khởi kiện ly hôn anh chưa nhất trí ly hôn vì lý do anh muốn con chung có cả bố và mẹ. Về con chung: anh M xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị T đã khai, nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị giao con chung cho chị T nuôi dưỡng vì anh đang phải chấp hành án phạt tù. Về tài sản chung: Anh M đề nghị tách phần tài sản chung, khi nào có yêu cầu thì sẽ làm đơn để nghị Tòa án sẽ giải quyết sau.

Tòa án đã xác minh:

- Bà Nguyễn Thị M1 là mẹ đẻ anh M và bà Vũ Thị N là trưởng thôn Lương Cụ B, xã Q đều cung cấp hoàn cảnh điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh M. Quan điểm của bà M1 và bà N đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ, trường hợp hòa giải không thành đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn do đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, nhưng đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án và đã có lời khai do Tòa án tiến hành thu thập. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh M, vì hai bên đã sống ly thân thời gian dài, mâu thuẫn đã trầm trọng; Về con chung: Xử giao 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 29/02/2012 và Nguyễn Văn Khánh Đ, sinh ngày 13/12/2013 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Do các đương sự không có yêu cầu, vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị T khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Anh M là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn hiện đang chấp hành án tại trại giam N1, tỉnh Ninh Bình đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và đã có biên bản ghi lời khai, bị đơn đã có ý kiến đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn M được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/9/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã Q và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, anh M nghiện ma túy đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 12/2020 anh M phạm tội, bị bắt và bị xử phạt 21 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại trại giam N1, tỉnh Ninh Bình. Kể từ thời điểm 12/2020 chị T sống ly thân không thăm nom anh M, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh M. Đối với anh M khi Tòa án tiến hành lấy lời khai tại trại giam, anh xác nhận có nghiện ma túy và có ý kiến chưa nhất trí ly hôn. Qua xác minh lời khai bà Nguyễn Thị M1 là mẹ đẻ anh M và bà Vũ Thị N là trưởng thôn Lương Cụ B, xã Q đều có ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải để chị T trở về đoàn tụ, nếu chị T vẫn giữ nguyên quan điểm thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với chị T quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn anh M. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh M là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 29/02/2012 và Nguyễn Văn Khánh Đ, sinh ngày 13/12/2013. Qua xác minh cho thấy hai con chung hiện được chị T trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo, tại biên bản ghi lời khai cháu K và cháu Đ có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ. Xét yêu cầu của các bên về nuôi dưỡng con chung cho thấy chị T đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với anh M ý kiến nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại anh đang thu án tại trại giam. Vì vậy cần xử giao 02 con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]Về tài sản chung: Chị T anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6]Về án phí và lệ phí tòa án: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]Về quyền kháng cáo: Chị T anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2/Về con chung: Xử giao con chung 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh D, sinh ngày 29/02/2012 và Nguyễn Văn Khánh Đ, sinh ngày 13/12/2013 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị T anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004768 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Thái Bình.
-TAND tỉnh Thái Bình.
-VKSND huyện Quỳnh Phụ.
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
-UBND xã Q.
-Người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC